



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CỦA ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Tuần 17/2022

Tài liệu tham khảo phục vụ Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số

Số: 08/BC-UBQGČĐS

Ngày 29 tháng 4 năm 2022

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Bộ Thông tin và Truyền thông, cơ quan thường trực của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số gửi báo cáo chuyên đề tham khảo phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều phối của Ủy ban Quốc gia và Ban chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương như sau:

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ QUÝ I/2022

Theo Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp lần thứ nhất của Ủy ban¹, các bộ, ngành, địa phương được giao triển khai 03 nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong Quý I/2022, đều đã hoàn thành đúng hạn.

Theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban năm 2022², các bộ, ngành, địa phương được giao triển khai 14 nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong tháng 3, 4/2022. Do Kế hoạch mới được ban hành ngày 15/3/2022 nên 14 nhiệm vụ này đều đang trong quá trình thực hiện, dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 4/2022.

Báo cáo chuyên đề của Cơ quan thường trực của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số tuần này sẽ tập trung vào tổng kết tình hình, kết quả nổi bật triển khai chuyển đổi số trong Quý I/2022 và tóm lược những nhiệm vụ trọng tâm dự kiến triển khai trong Quý II/2022.

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ NỔI BẬT QUÝ I NĂM 2022

1. Nhận thức số

a) Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và phát hành hàng tuần báo cáo chuyên đề về chuyển đổi số. Báo cáo được gửi tới toàn bộ các thành viên Ủy ban Quốc gia, Bí thư, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố và đầu mối Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương.

¹ Thông báo số 331/TB-VPCP ngày 10/12/2021 của Văn phòng Chính phủ

² Quyết định số 27/QĐ-UBQGČĐS ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.



Đề nghị các bộ, ngành, địa phương tiếp tục phát hành báo cáo chuyên đề hàng tuần này tới toàn bộ các thành viên Ban Chỉ đạo, Bí thư, Chủ tịch các quận, huyện, Người đứng đầu các ban Đảng, Giám đốc các Sở, ngành trực thuộc.

b) Bộ Thông tin và Truyền thông đã công bố công khai Cẩm nang Chuyển đổi số³, 55 bài toán chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương⁴ và 21 câu chuyện về chuyển đổi số của Việt Nam năm 2021, bao gồm các câu chuyện thành công đã được thực tiễn kiểm chứng là hiệu quả có thể tham khảo nhân rộng và các câu chuyện chia sẻ kinh nghiệm khác⁵.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương tham khảo, sử dụng phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến, mở chuyên trang cấp bộ, tỉnh về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương; có chuyên mục về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương trên cổng thông tin điện tử của bộ, tỉnh, của cơ quan báo chí bộ, tỉnh; Đài PTTH tỉnh và Đài truyền thanh cơ sở có chuyên mục hàng tuần về chuyển đổi số.

2. Thể chế số

a) 22/22 bộ, ngành và 63/63 địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số. Trong đó, 21/22 bộ, ngành có Trưởng ban là Bộ trưởng, Thủ trưởng ngành; 57/63 tỉnh, thành phố có Trưởng ban là Chủ tịch UBND tỉnh; 06/63 tỉnh, thành phố có Trưởng ban là Bí thư tỉnh ủy. 06 tỉnh, thành phố đã ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số theo Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS.

Đề nghị Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2022 trong tháng 4/2022.

b) 55/63 địa phương đã ban hành nghị quyết/chỉ thị/văn bản của tỉnh ủy/thành ủy về chuyển đổi số.

Đề nghị 09 địa phương còn lại⁶ sớm ban hành văn bản chuyên đề của cấp ủy về chuyển đổi số trong tháng 4/2022.

c) 19/22 bộ, ngành và 59/63 địa phương đã ban hành chương trình/kế hoạch/đề án chuyển đổi số giai đoạn 5 năm.

Đề nghị 03 bộ, ngành, 04 địa phương⁷ chưa ban hành kế hoạch hành động 05 năm của cấp chính quyền sớm ban hành trong tháng 4/2022.

d) 16/22 bộ, ngành đã ban hành kế hoạch hành động năm 2022⁸.

³ Cẩm nang Chuyển đổi số: <https://dx.mic.gov.vn>

⁴ Bài toán chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương: <http://c63.mic.gov.vn/>

⁵ Câu chuyện chuyển đổi số từ các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp: <https://t63.mic.gov.vn/>

⁶ An Giang, Cà Mau, Đồng Nai, Kiên Giang, Lâm Đồng, Nghệ An, Phú Yên, Vĩnh Long

⁷ Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh tra Chính phủ; Lâm Đồng, Nghệ An, Quảng Bình, Trà Vinh

⁸ Trong đó, 04/22 bộ, cơ quan ban hành kế hoạch chuyển đổi số; 01/22 bộ, cơ quan ban hành kế hoạch chuyển đổi số lồng ghép với kế hoạch phát triển chính phủ số; 10/22 bộ, cơ quan chỉ ban hành kế hoạch phát triển chính phủ số; 44/63 tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch hành động năm 2022; trong đó 17/63 tỉnh, thành phố ban hành kế hoạch chuyển đổi số; 06/63 tỉnh, thành phố ban hành kế hoạch chuyển đổi số lồng ghép với kế hoạch phát triển chính quyền số; 21/63 tỉnh, thành phố chỉ ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số.



Đề nghị các bộ, ngành, địa phương ban hành hoặc cập nhật kế hoạch hành động năm 2022 trong tháng 4/2022 để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

3. Hạ tầng số

a) Tốc độ truy cập mạng băng rộng ở Việt Nam Quý I/2022 được cải thiện so với cùng kỳ năm 2021, đặc biệt là chỉ số tải xuống (download) ở mạng di động băng rộng tăng khoảng **26%** (từ **26,92** Mbps lên **33,90** Mbps), ở mạng cố định băng rộng tăng khoảng **44%** (từ **44,18** Mbps lên **67,96** Mbps).

Cả nước hiện còn **980** thôn lờm sóng băng rộng di động, trong đó, **774** thôn sẽ được các doanh nghiệp viễn thông di động triển khai phủ sóng trước 30/6/2022; **118** thôn chưa có điện, **88** thôn thuộc khu vực vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn, dân cư thưa thớt, dưới 50 hộ gia đình trong một thôn sẽ tiếp tục được triển khai phủ sóng sau.

b) Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh là **70,91%**; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh là **85,08%**; tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang băng rộng là **68,8%**.

c) Chương trình Sóng và máy tính cho em đến nay đã có **381.092** máy được thực hiện từ nguồn đóng góp của các doanh nghiệp và ngân hàng (chưa bao gồm **100.000** máy do Thành phố Hồ Chí Minh chủ động triển khai)⁹. Dự kiến **400.000** máy từ nguồn Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích sẽ được cung cấp từ tháng 6/2022. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Bộ Giáo dục và Đào tạo đang thống nhất địa phương để chuyển tiền **64.000** máy. Tổng cộng: **945.092** máy.

4. Nhân lực số

a) Việt Nam hiện nay có khoảng hơn **240** trường đại học, trong đó gần **160** trường có chuyên ngành đào tạo kỹ thuật: công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin.

Trong cơ cấu nguồn nhân lực, tỷ lệ nhân lực kỹ thuật / tổng lao động của nền kinh tế Việt Nam đạt hơn **1%**. Đây là tỷ lệ tương đối thấp so với một số quốc gia như Hoa Kỳ (**4%**), Hàn Quốc (**2,5%**), Ấn Độ (**1,78%**). Để nâng tỷ lệ lên tối thiểu **2%**, Việt Nam cần tăng khoảng **40%** mỗi năm số lượng đào tạo sinh viên đại học chuyên ngành kỹ thuật so với hiện nay. Không chỉ là vấn đề số lượng, chất lượng nhân lực cũng là thách thức lớn. Các công nghệ số đang có tốc độ phát triển nhanh, trong khi đó, chương trình đào tạo đang chưa theo kịp.

Để giải quyết vấn đề, nhiều quốc gia, điển hình là Hàn Quốc, Ấn Độ đã xác định phát triển đại học số là giải pháp quan trọng, đột phá để phát triển, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực nói chung và nhân lực số nói riêng.

⁹ Trong đó, số máy đã trao tặng từ nguồn của các doanh nghiệp viễn thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo là 217.273 máy; số máy đã trao tặng của Trung ương Đoàn, Quỹ Nhi đồng liên hiệp quốc là 27.819 máy; số máy đang tổ chức đầu thầu từ nguồn của các ngân hàng thương mại, doanh nghiệp thuộc Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 136.000 máy (các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại đã chuyển đến địa phương)



Đại học số, hiểu một cách đơn giản là chuyển đổi số giáo dục đại học, đưa toàn bộ hoạt động của trường đại học, của giảng viên, sinh viên lên môi trường số. Và vì chuyển đổi hoàn toàn lên môi trường số, mô hình hoạt động của một trường đại học số trở nên linh hoạt và vượt qua nhiều giới hạn vật lý mà một ngôi trường truyền thống gặp phải, dẫn tới dịch vụ giáo dục được tiếp cận dễ dàng hơn, đào tạo được nhiều hơn, chi phí thấp hơn, với chất lượng tối thiểu tương đương. Mới đây, Thủ tướng Ấn Độ, ông Narendra Modi coi triển khai đại học số là bước đi chưa có tiền lệ để giải quyết triệt để vấn đề giới hạn chỉ tiêu đào tạo tại các trường đại học. Việc phát triển đại học số có thể giúp bổ sung thêm 10 triệu người dân Ấn Độ trong độ tuổi có thể tiếp cận với đào tạo trình độ đại học hàng năm.

Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban đã giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Đề án thí điểm triển khai 05 trường tham gia mô hình giáo dục đại học số trong đào tạo nhân lực công nghệ số, thời hạn là tháng 8/2022.

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng Đề án thí điểm và sớm tổ chức triển khai, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì nghiên cứu Đề án Cao đẳng nghề số để đào tạo kỹ năng số chuyên nghiệp cho lực lượng lao động.

b) Trong Quý I/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai Nền tảng học trực tuyến mở đại trà, ban hành chương trình mẫu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp cho gần **1.000** công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước. **13/63** tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số.

Đề nghị các địa phương sớm ban hành kế hoạch, tham khảo nội dung chương trình mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, bổ sung thêm những điểm đặc thù của địa phương và tổ chức triển khai bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho nhân lực trong cơ quan chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã.

c) **06/63** tỉnh, thành phố đã thành lập **4.898** Tổ công nghệ số cộng đồng với **21.975** thành viên tham gia. Trong đó, Lạng Sơn đã hoàn thành **100%** đến cấp xã.

Đề nghị các địa phương sớm triển khai thành lập, bồi dưỡng, tập huấn các Tổ công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ người dân sử dụng các nền tảng số Việt Nam, sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trước tháng 6/2022 để trên cơ sở đó phổ biến, nhân rộng một cách hiệu quả, bền vững.

5. An toàn, an ninh mạng

a) Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia có **220** thành viên, bao gồm: **58** thành viên thuộc bộ, ngành; **63** thành viên thuộc địa phương và **99** thành viên thuộc các doanh nghiệp, tổ chức khác. Trong Quý I/2022, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý **3.678** cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam; tăng **2,94%** so với Quý IV/2021.



b) Doanh thu an toàn thông tin mạng Quý I/2022 tăng **7,9%** so với Quý I/2021. Tổng số doanh nghiệp được cấp phép đến nay là **95** doanh nghiệp. Tỷ lệ nhóm sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng của Việt Nam so với **22** nhóm sản phẩm hệ sinh thái an toàn thông tin mạng đạt **95,5%**. Tỷ lệ sản xuất/nhập khẩu Quý I/2022 đạt **56,2%**.

c) Tổng số hệ thống thông tin (HTTT) của cả nước là **2.853**, trong đó HTTT được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ (HSDXCĐ) là **845**, chiếm **30%¹⁰**.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt HSDXCĐ cho tất cả các HTTT trước ngày 30/6/2022, triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ trước ngày 15/11/2022 và cho dừng các HTTT không bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2023.

6. Chính phủ số

a) Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn kết nối các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số. Đến nay, Mạng đã kết nối đến **100%** huyện; **96,73%** xã trên toàn quốc. Hiện còn 2 tỉnh là Bình Thuận và Quảng Nam chưa kết nối được đến **100%** cấp xã, dự kiến hoàn thành trước tháng **6/2022**.

b) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) tiếp tục được phát triển và khai thác hiệu quả để phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước ngày càng cao. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP trong Quý I/2022 khoảng **145 triệu**, tăng khoảng **26 lần** so với Quý I/2021; trung bình hằng ngày có hơn **1,5 triệu** giao dịch thực hiện thông qua NDXP.

c) Các cơ sở dữ liệu (CSDL) tạo nền tảng cho Chính phủ số được đẩy mạnh triển khai, là điều kiện tiên quyết để triển khai Chính phủ số:

- CSDL quốc gia về Dân cư đã được Bộ Công an vận hành chính thức từ ngày **01/7/2021**. Ngày **06/01/2022**, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Hiện nay, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các bộ, ngành, địa phương gấp rút, quyết liệt triển khai kết nối, khai thác dữ liệu dân cư để cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao và phục vụ các hoạt động chuyên ngành. Tính đến thời điểm hiện tại, đã triển khai kết nối chính thức đối với 07 đơn vị¹¹.

¹⁰ Tổng số HTTT của bộ, ngành là 674, trong đó HTTT được phê duyệt HSDXCĐ là 322, chiếm 48%; Tổng số HTTT của địa phương là 2.179, trong đó HTTT được phê duyệt HSDXCĐ là 523, chiếm 24%.

¹¹ Bộ Y tế (dữ liệu tiêm chủng), Văn phòng Chính phủ (Cổng DVCQG), Bộ Tư pháp (CSDL hộ tịch), Bộ Giáo dục và Đào tạo (CSDL chuyên ngành GDĐT), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Bảo hiểm xã hội Việt Nam (CSDLQG về Bảo hiểm), Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính (CSDL người nộp thuế).



- CSDL quốc gia về Bảo hiểm quản lý thông tin của **27 triệu** hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế, bao gồm thông tin của **98 triệu** người dân.

- CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc có khoảng **23 triệu** dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có trên **7 triệu** trẻ em được cấp Số định danh cá nhân theo quy định; trên **4,5 triệu** dữ liệu đăng ký kết hôn; trên **3,2 triệu** dữ liệu đăng ký khai tử.

- CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp chứa thông tin đăng ký doanh nghiệp theo thời gian thực của **hơn 01 triệu** doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc; tỷ lệ số hóa hồ sơ đăng ký doanh nghiệp **đạt 100%**.

Trong số các CSDL quốc gia ưu tiên triển khai, hiện chỉ còn duy nhất CSDL về đất đai quốc gia là chưa đưa vào khai thác, sử dụng. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường đẩy nhanh tiến độ triển khai CSDL về đất đai quốc gia, sẵn sàng phương án triển khai từ tháng 6/2022, cơ bản hoàn thành và đưa vào vận hành, khai thác sử dụng trong năm 2022.

d) Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 là **97,3%** (chiếm 52,33% tổng số thủ tục hành chính); tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) phát sinh hồ sơ là **17,17%**, tương đương Quý I/2021; tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến là **24,75%**, tăng **8,82%** so với Quý I/2021.

Cổng Dịch vụ công quốc gia đã tích hợp với **3.552** dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các bộ, ngành, địa phương, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp truy cập thuận tiện (một cửa) đến dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước các cấp. Trong Quý I/2022, Cổng đã có trên **167** nghìn tài khoản đăng ký; trên **14 triệu** hồ sơ đồng bộ trạng thái; trên **332** nghìn lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích từ cổng; trên **510** nghìn hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; trên **163** nghìn giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn **366** tỷ đồng;

Một số địa phương đã có cách làm hay để nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, khuyến khích người dân nhằm cung cấp, sử dụng hiệu quả DVCTT. Cụ thể như: **Thành phố Hồ Chí Minh** giảm **50%** lệ phí đối với **06** nhóm dịch vụ thiết yếu khi người dân, doanh nghiệp thực hiện qua hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; **tỉnh Bình Phước** thực hiện chính sách chỉ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến; **tỉnh Hòa Bình, Thái Nguyên** giao chỉ tiêu hồ sơ giải quyết trực tuyến tới từng sở, ban, ngành, quận, huyện, **tỉnh Khánh Hòa** giao chỉ tiêu hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến đến tận cấp xã, phường.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương ban hành Kế hoạch thúc đẩy cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trong đó, (1) Giao chỉ tiêu tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến tới từng sở, ngành, quận, huyện năm 2022 đạt tối thiểu 50%; (2) Có chính sách khuyến khích sử dụng DVCTT như giảm thời gian xử lý, giảm lệ phí xử lý, dùng tiếp nhận hồ sơ giấy đối với một số loại hình DVCTT phù hợp.

đ) Các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước tiếp tục được phát triển, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc:



- Trực liên thông văn bản quốc gia thực hiện gửi, nhận trên **1,6 triệu** văn bản điện tử;

- Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet) đã phục vụ **06 phiên họp** Chính phủ và xử lý **90 phiếu** lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế hơn **39,6 nghìn** hồ sơ, tài liệu giấy);

- Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có chức năng báo cáo của **75** bộ, cơ quan, địa phương; đã cung cấp thông tin, dữ liệu của **15** chế độ báo cáo trên Hệ thống; **152/200 chỉ tiêu** kinh tế - xã hội theo Quyết định số 293/QĐ-TTg; kết nối **37 chỉ tiêu** thông tin dữ liệu trực tuyến; Xây dựng kho dữ liệu tổng hợp với trên **300 chỉ tiêu** kinh tế - xã hội; **250 bảng** hiển thị dữ liệu cho các chỉ tiêu.

e) Về phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam, hiện nay, các địa phương đang chủ yếu tập trung phát triển Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) với các dịch vụ đô thị thông minh để phục vụ người dân, doanh nghiệp với mục đích vừa phát triển đô thị, thành phố thông minh, vừa thực hiện chuyển đổi số tại địa phương. Đến nay, có **42/63** tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương¹² đã chính thức khai trương IOC; **38/63** tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương¹³ đã triển khai dịch vụ phản ánh hiện trường giúp nâng cao hiệu quả tương tác giữa người dân với chính quyền.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương khi triển khai IOC lưu ý phải bảo đảm tính hiệu quả, bền vững. Để được như vậy, thì các cấp Lãnh đạo phải đưa ra đầu bài, phải sử dụng để điều hành công việc hàng ngày và liên tục cập nhật, chỉnh sửa, nâng cấp cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra.

g) Trợ lý ảo được xây dựng và triển khai thí điểm nhằm hỗ trợ công chức, viên chức, người lao động trong công việc tại Bộ Thông tin và Truyền thông và Tòa án nhân dân tối cao, trước mắt tập trung vào hỏi đáp quy định trong văn bản pháp luật và hỏi đáp các tình huống quản lý nhà nước ngành. Tòa án nhân dân tối cao đã số hóa khoảng **700.000** bản án để lưu trữ và hỗ trợ tìm kiếm theo các từ khóa trong nội dung.

h) Hệ thống giám sát dữ liệu trực tuyến, kết nối giữa cơ quan quản lý với hệ thống của đối tượng quản lý được triển khai nhằm giám sát, kiểm tra, đánh giá,

¹² Bình Phước, Cao Bằng, Gia Lai, Nam Định, Thái Nguyên, Thái Bình, Vĩnh Long, Đồng Nai, Hậu Giang, Hà Giang, Đà Nẵng, Kon Tum, Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Bình Định, Bắc Ninh, Bình Dương, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thừa Thiên - Huế, Trà Vinh, Tây Ninh, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Lào Cai, Quảng Trị, Sơn La, Ninh Bình, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Ninh Thuận, Quảng Nam, Bắc Kạn, Cần Thơ, Hà Nam, Hải Phòng, Hưng Yên, Quảng Bình, Lạng Sơn, Sóc Trăng, Long An

¹³ Bình Phước, Cao Bằng, Gia Lai, Nam Định, Thái Nguyên, Thái Bình, Vĩnh Long, Đồng Nai, Hậu Giang, Đà Nẵng, Kon Tum, Bến Tre, Đắk Lắk, Bình Định, Bắc Ninh, Bình Dương, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thừa Thiên - Huế, Tây Ninh, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Kiên Giang, Quảng Trị, Sơn La, Ninh Bình, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Ninh Thuận, Quảng Nam, Bắc Kạn, Cần Thơ, Hà Nam, Hải Phòng, Hưng Yên, Quảng Bình, Lạng Sơn



đo lường chính xác, kịp thời mức độ, hiệu quả của chuyển đổi số để có các giải pháp thúc đẩy kịp thời:

- Hệ thống giám sát, đo lường (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông kết nối, thu thập và đánh giá dữ liệu của 3 loại đối tượng gồm: (1) Công Thông tin điện tử, (2) Công Dịch vụ công, (3) Hệ thống Một cửa điện tử của các bộ, ngành, địa phương. Hiện nay chỉ còn **02** bộ là Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính, **01** địa phương là Hà Nội chưa thực hiện kết nối đầy đủ để phục vụ công tác giám sát, đo lường.

- Bộ Công Thương đang phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, triển khai thí điểm Nền tảng quản lý dữ liệu xăng dầu, triển khai chọn mẫu một số doanh nghiệp thuộc 3 nhóm đối tượng thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối và thương nhân bán lẻ xăng dầu.

- Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, triển khai thí điểm Nền tảng quản lý dữ liệu doanh nghiệp đối với 02 doanh nghiệp thuộc Bộ là Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện VTC và Tổng công ty Bưu chính Việt Nam VNPost.

7. Kinh tế số

a) Ước tính tổng doanh thu kinh tế số Quý I/2022 khoảng **53 tỷ USD**, đóng góp khoảng **10,2% GDP**, trong đó kinh tế số nền tảng có tốc độ tăng trưởng **28%**, đạt doanh thu **8 tỷ USD**, còn lại là kinh tế số ICT và kinh tế số ngành, với tốc độ tăng trưởng doanh thu trung bình khoảng **15%**. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số doanh nghiệp công nghệ số thành lập mới tính đến hết tháng 02/2022 đạt **65.329** doanh nghiệp, tăng **487** doanh nghiệp so với năm 2021.

b) Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số qua nền tảng **SMEdx.vn**. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã tích cực tham gia Chương trình. Đến hết Quý I/2022 đã có hơn **170.000** doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận Chương trình, hỗ trợ gần **19.000** doanh nghiệp dùng thử miễn phí và gần **3.000** doanh nghiệp sử dụng chính thức sau thời gian dùng thử miễn phí.

c) Bộ Tài chính đã chính thức triển khai hóa đơn điện tử và thuế điện tử trên phạm vi toàn quốc. Trong Quý I/2022, cơ quan thuế đã tiếp nhận xử lý **77.732.636** hóa đơn điện tử¹⁴. Các dịch vụ thuế điện tử được triển khai bao gồm: (1) Dịch vụ khai thuế điện tử dành cho doanh nghiệp, hoàn thành kết nối nộp thuế điện tử với 55 ngân hàng thương mại¹⁵; (2) Dịch vụ khai thuế điện tử dành cho cá nhân đối

¹⁴ Trong đó, hóa đơn có mã: 55.359.165 (Hà Nội: 18.561.722, Thành phố Hồ Chí Minh: 29.911.880, Quảng Ninh: 1.618.521, Phú Thọ: 932.352, Bình Định: 909.255, Hải Phòng: 3.425.435); hóa đơn không mã gửi đầy đủ dữ liệu: 10.307.367 (Hà Nội: 3.960.026, Thành phố Hồ Chí Minh: 4.220.165, Quảng Ninh: 592.943, Phú Thọ: 104.725, Bình Định: 342.283, Hải Phòng: 1.087.225); hóa đơn không mã: 12.066.104 (Hà Nội: 3.629.257, Thành phố Hồ Chí Minh: 4.557.671, Quảng Ninh: 531.618, Phú Thọ: 615.951, Bình Định: 523.093, Hải Phòng: 2.208.514)

¹⁵ Tính đến ngày 15/4/2022, số lượng doanh nghiệp đã đăng ký tham gia sử dụng dịch vụ với cơ quan thuế là 848.142 doanh nghiệp trên tổng số 855.793 doanh nghiệp đang hoạt động, đạt tỷ lệ 99,11%; số lượng doanh nghiệp hoàn thành đăng ký dịch vụ với ngân hàng là 845.415 doanh nghiệp trên tổng số 855.793 doanh nghiệp đang hoạt động, đạt tỷ lệ 98,79%. Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/4/2022, các doanh nghiệp đã nộp tiền thuê thông qua 1.462.973 giao dịch nộp thuế điện tử với số tiền là trên 258.204 tỷ đồng và 13.585.284 USD.



với hoạt động cho thuê tài sản¹⁶; triển khai, nộp điện tử lệ phí trước bạ điện tử đối với ô tô, xe máy tại Cục Thuế Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh¹⁷; (3) Dịch vụ hoàn thuế điện tử¹⁸; (4) Ứng dụng thuế điện tử cho thiết bị di động (eTax Mobile)¹⁹; (5) Ứng dụng Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài để thực hiện việc đăng ký, kê khai, nộp thuế.

d) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành và triển khai nhiều chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số ngành ngân hàng²⁰.

Các ứng dụng tài chính số của 05 ngân hàng trên có sự phát triển mạnh so với cùng kỳ năm ngoái và tương đối đồng đều nhau, trong đó số lượng người sử dụng hằng tháng của **Vietcombank** là **12,2 triệu, tăng 24%** so với Quý I/2021; **MB** là **7,82 triệu, tăng 66%** so với Quý I/2021; **BIDV** là **7,62 triệu, tăng 39%** so với Quý I/2021; **Viettin Bank** là **5,46 triệu, tăng 44%** so với Quý I/2021 và **AgriBank** là **4,86 triệu, tăng 21%** so với Quý I/2021.

Đến hết Quý I/2022, 03 doanh nghiệp viễn thông (Viettel, Mobifone, VNPT-Media) triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money đã phát triển được hơn **1 triệu** khách hàng (**1.096.245**), **3.010** điểm kinh doanh phủ rộng khắp **63** tỉnh, thành phố trong cả nước.

đ) Đến hết Quý I/2022, tổng số hộ sản xuất nông nghiệp đã được tạo tài khoản trên Postmart, Vở Sò là gần **5,4 triệu** hộ, trong đó số tài khoản đủ điều kiện tham gia giao dịch trên sàn thương mại điện tử (TMĐT) là **1,2 triệu** tài khoản (chiếm 21,5%), đã đưa lên 2 sàn hơn 80 nghìn sản phẩm nông nghiệp. Tổng số giao dịch trên 2 sàn trong Quý I/2022 đạt 109.670 giao dịch, tổng giá trị ước đạt **7 tỷ đồng**.

8. Xã hội số

Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã chỉ đạo năm 2022 lấy người dân là trung tâm. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn định hướng đưa hoạt động của người dân lên môi trường số bằng các nền tảng

¹⁶ Tính đến ngày 15/4/2022, có 606.419 tài khoản đã đăng ký và 25.987 tờ khai đã gửi

¹⁷ Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/4/2022, số lượng tờ khai điện tử tại Cục Thuế Thành phố Hà Nội là 35.740 hồ sơ trên tổng số 125.752 hồ sơ, đạt tỷ lệ 28,42%; tại Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh là 39.735 hồ sơ trên tổng số 168.142 hồ sơ, đạt tỷ lệ 23,63%.

¹⁸ Tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/4/2022, tổng số doanh nghiệp tham gia hoàn thuế điện tử là 4.186 trên tổng số 4.225 doanh nghiệp hoàn thuế, đạt tỷ lệ 99,08%; số hồ sơ tiếp nhận là 6.972 hồ sơ trên tổng số 7.030 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,17%; tổng số hồ sơ hệ thống đã giải quyết hoàn là 4.230 hồ sơ với tổng số tiền đã giải quyết hoàn là hơn 27.297 tỷ đồng.

¹⁹ Đến ngày 15/4/2022, số lượt tải và cài đặt, sử dụng ứng dụng eTaxMobile là 23.160 lượt (10.665 lượt sử dụng hệ điều hành Android, 12.495 lượt sử dụng hệ điều hành iOS); số tài khoản đăng ký giao dịch điện tử thông qua ứng dụng eTaxMobile là 33.301 tài khoản; số giao dịch qua ngân hàng thương mại là 11.943 giao dịch với tổng số tiền trên 28.6 tỷ đồng.

²⁰ Ban hành hướng dẫn mở tài khoản thanh toán, thẻ bằng phương thức điện tử eKYC; trình Chính phủ Quyết định phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile Money); triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; ban hành Chỉ thị về việc đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng; nghiên cứu, sửa đổi quy định pháp lý để cho phép thực hiện hoạt động cho vay bằng phương thức điện tử



số Việt Nam để hướng tới phát triển một xã hội số; xã hội số phát triển cũng là điều kiện thuận lợi để phát triển chính phủ số, kinh tế số.

a) Ứng dụng phục vụ liên lạc Zalo có trung bình khoảng **74,7 triệu** người sử dụng hằng tháng, **tăng 14,8%** so với Quý I/2021. Mocha có trung bình khoảng **4,6 triệu** người sử dụng hằng tháng, **tăng 2,95%** so với Quý I/2021. Zalo hướng tới siêu ứng dụng phục vụ toàn dân, đẩy mạnh tham gia dịch vụ công trực tuyến. Mocha chủ yếu nhắm tới khách hàng giới trẻ, vừa dùng liên lạc vừa giải trí.

b) Ứng dụng gọi xe cá nhân Be có trung bình khoảng **3,65 triệu** người sử dụng hằng tháng, ổn định vị trí thứ 2 trên thị trường ứng dụng gọi xe ở Việt Nam. Ứng dụng gọi xe khách An Vui và Vé xe rẻ có lượng người sử dụng suy giảm mạnh do tác động của đại dịch Covid-19. Số lượng người sử dụng sụt giảm khoảng 80% so với cùng kỳ Quý I/2021. Tuy nhiên, thị trường ứng dụng vé xe khách hiện vẫn là thị trường dành riêng cho các nền tảng số Việt Nam.

c) Ứng dụng giao hàng Viettel Post có trung bình khoảng **3,5 triệu** người sử dụng hằng tháng, đứng đầu thị trường ứng dụng phục vụ giao hàng tại Việt Nam. My Vietnam Post có trung bình khoảng **2,6 triệu** người sử dụng hằng tháng.

d) Ứng dụng phục vụ xem truyền hình trực tuyến VTV GO của Đài Truyền hình Việt Nam có khoảng **5,89 triệu** người sử dụng hằng tháng, tăng **15,1%** so với Quý I/2021. Mỗi người sử dụng trung bình xem VTV GO 28 phút một ngày, tiêu thụ khoảng 300 MB dữ liệu một tháng. Đối với các trang báo điện tử, tổng số lượt truy cập trung bình hằng tháng của VnExpress là **135,7 triệu**; Vietnamnet đạt **41,07 triệu**; Nhân dân đạt **2,17 triệu**.

đ) Ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử có khoảng **19,9 triệu** người sử dụng hằng tháng. Ngoài ra, VOV Bác sĩ 24 là ứng dụng giúp kết nối trực tiếp người dân với bác sĩ để tư vấn sức khỏe có khoảng **20 nghìn** người sử dụng hằng tháng.

e) Ba nền tảng số Việt Nam phục vụ các cơ sở giáo dục là **VNEdu** của VNPT, **K12Online** của Viettel và **MobiEdu** của MobiFone đều có số lượng người sử dụng hằng tháng nhỏ hơn **1 triệu**. Ba nền tảng số Việt Nam phục vụ các em học sinh có thể trực tiếp lên học trực tuyến các môn học hoặc làm bài tập lần lượt là **Azota** có số lượng truy cập hằng tháng vào khoảng **25,6 triệu** lượt, **Học mãi** khoảng **2,9 triệu** lượt và **Ôn luyện** khoảng **470 nghìn** lượt.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh những kết quả đạt được trong Quý I/2022 nêu trên, việc triển khai chuyển đổi số trên toàn quốc còn những tồn tại, hạn chế sau:

1. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, ngành vẫn tư duy theo thói quen triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ của bộ, ngành. Trong khi đó, chuyên đổi số đặt ra sứ mệnh mới cho các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, thêm nhiệm vụ điều phối, dẫn dắt chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực. Ví dụ, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì không chỉ chủ trì tổ chức triển khai



ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ, mà còn chủ trì tham mưu và tổ chức thực thi thúc đẩy chuyển đổi số ngành nông nghiệp. Hay tương tự như vậy đối với Y tế, Giáo dục và các ngành khác. Vì vậy, thời gian qua chưa phát huy hết tiềm năng và sức mạnh thúc đẩy chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

2. Cơ quan nhà nước các cấp còn khó khăn do thiếu nhân lực chuyên môn, chưa mạnh dạn huy động chuyên gia về công nghệ thông tin, chuyên gia về chuyển đổi số cùng tham gia giải quyết vấn đề. Do đây là vấn đề mới, nên năng lực, kỹ năng hoạch định chính sách, điều phối, dẫn dắt của cán bộ, công chức chưa ngang tầm nhiệm vụ đặt ra. Dẫn đến chủ trương, định hướng quốc gia chậm được cụ thể hóa ở mức chi tiết ở mức thực thi xuống cơ sở. Nhiều nhiệm vụ cần sự chuyên nghiệp trong thực thi nhưng không có chuyên gia thực hiện.

3. Chất lượng cung cấp DVCTT, hiệu quả sử dụng DVCTT còn chưa cao; tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến còn thấp.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II NĂM 2022

Căn cứ vào Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ủy ban Quốc gia và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban, Cơ quan thường trực đề xuất 12 nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong Quý II/2022 như sau:

1. Trình Thủ tướng Chính phủ đề xuất thành lập Văn phòng Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên trách hóa, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp và xã hội, không làm tăng thêm đầu mối về tổ chức, bộ máy, biên chế.

2. Hoàn thành đánh giá, công bố chính thức danh sách các nền tảng số đáp ứng yêu cầu phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

3. Hoàn thành tổ chức triển khai bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho **10.000** cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, trong các cơ quan truyền thông, báo chí, tạo nên mạng lưới công nghệ số cộng đồng rộng khắp.

4. Hoàn thành triển khai hệ thống phục vụ thống kê, theo dõi dự án đầu tư công cho chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

5. Nhân rộng việc triển khai trợ lý ảo phục vụ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.

6. Thí điểm triển khai Hệ thống giám sát dữ liệu trực tuyến, kết nối giữa cơ quan quản lý với hệ thống của đối tượng quản lý là các doanh nghiệp nhà nước.

7. **100%** tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương ban hành nghị quyết/chỉ thị/văn bản chuyên đề về chuyển đổi số.

8. **100%** các bộ, ngành, tỉnh, thành phố ban hành hoặc cập nhật kế hoạch hành động đến năm 2025 của cấp chính quyền với đầy đủ 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, phù hợp với các chiến lược quốc gia.



9. **100%** Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương ban hành Kế hoạch hành động năm 2022 để thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; ưu tiên nguồn lực để khẩn trương triển khai Kế hoạch sau khi ban hành.

10. **100%** địa phương thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng và thực hiện sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về việc tổ chức Tổ công nghệ số cộng đồng.

11. **100%** các tỉnh, thành phố hoàn thành lựa chọn và công bố các nền tảng số mà địa phương lựa chọn để phục vụ người dân, giải quyết các bài toán của người dân và xã hội trong năm 2022.

12. **100%** Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương tổ chức Hội nghị Sơ kết 6 tháng đầu năm 2022 trong tháng 6/2022. Tổ chức Hội nghị Sơ kết 6 tháng đầu năm 2022 triển khai chuyển đổi số quốc gia trong tháng 7/2022.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG